TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CẦU NGANG** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2020/HNGĐ-ST
Ngày 08/5/2020.
"V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU NGANG TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lý Thanh Lâm.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Mai Thanh Chúc.
Ông Kim Na Rinh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Chung Hữu Toàn, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Tấn An – Kiểm sát viên.

Trong ngày 08 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 138/2020/TLST-HNGĐ, ngày 17/02/2020, về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2020/QĐXXST-HN, ngày 23 tháng 4 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Trần Đình T, sinh năm 1987. Có mặt.

Địa chỉ: Ấp R, xã V, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Bị đơn: Chị Tạ Thị Lan P, sinh năm 1987. Vắng mặt, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Hộ khẩu thường trú: Ấp R, xã V, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Nơi cư trú: Tổ 9, V, phường V, thành phố V, tỉnh Phú Thọ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 14/02/2020 và trong quá trình xét xử nguyên đơn anh Trần Đình T trình bày:

- *Về hôn nhân:* Anh và chị P xác lập hôn nhân và có đăng ký kết hôn vào ngày 05/11/2007, tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện C, tỉnh Trà Vinh, vợ chồng cùng đi đăng ký kết hôn. Sau ngày cưới, do hoàn cảnh gia đình khó khăn anh và chị P cùng đến thành phố Hồ Chí Minh làm thuê, sống đến ngày 12/01/2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm về lối sống, ứng xử giao tiếp, tình cảm, vợ chồng bất hòa thường xuyên, sống không có hạnh phúc, chị P

cùng 02 con đi về bên chị tại tổ 9, V, phường V, thành phố V, tỉnh Phú Thọ sống và ly thân nhau hơn 03 năm, anh không đến thăm vợ, con mà chỉ liên lạc qua điện thoại. Nay anh yêu cầu giải quyết cho anh được ly hôn với chị P.

- *Về nuôi con tên:* Trần Đình V, sinh ngày 25/8/2007 và Trần Đình Bảo K, sinh ngày 05/7/2014, anh T giao 02 người con cho chị P được quyền nuôi dưỡng khi ly hôn.

- *Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung vợ chồng và số nợ phải thu, phải trả:* Anh T không tranh chấp, không khởi kiện. Ngoài ra anh T không có yêu cầu gì khác.

Tại phiên tòa hôm nay, chị Tạ Thị Lan P là bị đơn trong vụ án, chị P vắng mặt lần thứ nhất và có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt nên không có lời trình bày.

Lời phát biểu của Kiểm sát viên:

- *Về việc tuân theo pháp luật*: Thủ tục thụ lý hồ sơ vụ án, xác định quan hệ pháp luật, xác định người tham gia tố tụng, thành phần tham gia phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, thành phần Hội đồng xét xử đều đúng quy định pháp luật. Các văn bản tố tụng từ khi nhận đơn khởi kiện đến khi Quyết định đưa vụ án ra xét xử đều tống đạt đầy đủ cho các đương sự nhận. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã tiến hành đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về giải quyết vụ án*: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của anh T, xử cho anh T và chị P được ly hôn với nhau, giao 02 con cho chị P được quyền nuôi dưỡng, về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung vợ chồng và số nợ phải thu, phải trả, do các đương sự không tranh chấp, không khởi kiện nên không xem xét giải quyết. Về án phí hôn nhân sơ thẩm buộc anh T phải nộp 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1]. Về thủ tục tố tụng: Xét thấy chị P là bị đơn trong vụ án, tại phiên tòa chị P vắng mặt lần thứ nhất và có làm đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị P theo quy định của pháp luật.

[2]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Xét thấy anh T khởi kiện chị P yêu cầu giải quyết cho anh được ly hôn với chị P, anh giao 02 con cho chị P được quyền nuôi dưỡng, ngoài ra anh không yêu cầu gì khác. Căn cứ khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật giải quyết là "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*", thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[3]. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn:

- *Về hôn nhân*: Xét thấy anh T và chị P xác lập hôn nhân và có đăng ký kết hôn vào ngày 05/11/2007, tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện C, tỉnh Trà Vinh, vợ chồng cùng đi đăng ký kết hôn, từ đó xác định đây là hôn nhân hợp pháp. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng:

Anh T khai: Do hoàn cảnh gia đình khó khăn, anh và chị P đi làm thuê tại thành phố Hồ Chí Minh và thuê nhà trọ sống đến ngày 12/01/2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm về lối sống, ứng xử giao tiếp, vợ chồng bất hòa thường xuyên, sống không có hạnh phúc, khi mâu thuẫn xảy ra, chị P cùng 02 con bỏ đi về bên chị tại tổ 9, V, phường V, thành phố V, tỉnh Phú Thọ sống và chấm dứt tình cảm vợ chồng tính đến nay hơn 03 năm, anh không thăm vợ con mà chỉ liên lạc qua điện thoại. Nay anh yêu cầu giải quyết cho anh được ly hôn với chị P.

Tại phiên tòa chị P vắng mặt. Tuy nhiên tại bản tự khai đề ngày 25/02/2020 chị P khai: Sau ngày cưới chị nhập hộ khẩu về ấp R, xã V, huyện C, tỉnh Trà Vinh sống khoảng 01 năm thì đi lên Thành phố Hồ Chí Minh ở trọ, làm thuê, vợ chồng sống với nhau 01 thời gian thì đến đầu năm 2017 xảy ra mâu thuẫn do bất đồng ý kiến, không hạp nhau về tính tình, cải vã thường xuyên, không thể nào sống chung được, nên chị cùng 02 con bỏ đi về Thành phố V, tỉnh Phú Thọ sống và ly thân tính đến nay hơn 03 năm, không liên hệ với nhau. Nay chị cũng đồng ý ly hôn với anh T.

Xét thấy khi mâu thuẫn xảy ra, anh T, chị P đều bỏ mặt, mạnh ai nấy sống, không quan tâm đến tình nghĩa vợ chồng, đã ly thân nhau hơn 03 năm, anh chị xác định tình cảm vợ chồng không còn và cả hai người đều có nguyện vọng là được ly hôn với nhau. Từ đó, mâu thuẫn tình cảm vợ chồng giữa anh T và chị P là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của anh T, xử cho anh T và chị P được ly hôn với nhau.

- *Về nuôi con:* Xét thấy anh T, chị P sinh 02 người con tên Trần Đình V, sinh ngày 25/8/2007 (*có nguyện vọng được sống với mẹ*) và Trần Đình Bảo K, sinh ngày 05/7/2014, hiện 02 con đang sống với chị P. Quá trình vợ chồng ly thân nhau hơn 03 năm, các con sống với chị P và được chị P chăm sóc, nuôi dưỡng chu đáo về mọi mặt. Tại phiên tòa anh T đồng ý giao 02 con cho chị P được quyền nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của chị P thể hiện qua bản tự khai đề ngày 25/02/2020 và nguyện vọng của cháu Trần Đình V xin được sống với chị P. Căn cứ Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử giao 02 con cho chị P được quyền trông nom, chăm sóc nuôi dưỡng khi ly hôn là phù hợp với quy định pháp luật.

- *Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung vợ chồng và số nợ phải thu, phải trả:* Anh T và chị P không tranh chấp, không khởi kiện. Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Buộc anh Trần Đình T phải nộp 300.000 đồng.

[5]. Xét lời trình bày của Kiểm sát viên về trình tự thủ tục tố tụng và hướng giải quyết vụ án nêu trên là phù hợp với quy định pháp luật và được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, các Điều 147, 227, 228; 235, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 53, 54, 56, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ các khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của anh Trần Đình T.

- *Về hôn nhân:* Xử cho anh Trần Đình T và chị Tạ Thị Lan P được ly hôn với nhau.

- *Về nuôi con:*

+ Chị Tạ Thị Lan P được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng hai con tên Trần Đình V, sinh ngày 25/8/2007 và Trần Đình Bảo K, sinh ngày 05/7/2014.

+ Anh Trần Đình T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền ngăn cản. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trỡ người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- *Về án phí hôn nhân sơ thẩm:* Anh Trần Đình T tự nguyện nộp 300.000 đồng nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà anh T đã nộp theo biên lai thu tiền số 0007001, ngày 14/02/2020 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cầu Ngang thu. Anh Trần Đình T đã nộp đủ án phí.

- *Về quyền kháng cáo:*

+ Anh Trần Đình T có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

+ Chị Tạ Thị Lan P vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày, tính từ ngày chị nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt, niêm yết hợp lệ theo quy định./.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lý Thanh Lâm

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện, tỉnh;
- Chi Cục THADS huyện;
- UBND xã V, huyện C, tỉnh Trà Vinh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.